

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI



BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 26NS/QNS/2023

Thực phẩm bổ sung
SỮA ĐẬU NÀNH
FAMI CANXI PLUS
VỊ HỒNG TRÀ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 26NS/QNS/2023

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI - QNS.**

Địa chỉ: Số 02, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Quảng Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

Điện thoại: 0255 3726110 – 0255 3726616.

Fax: 0255 3822843.

E-mail: info@qns.com.vn; info@vinasoy.com.

Mã số doanh nghiệp: 4300205943.

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Cơ sở đã được cấp chứng nhận Hệ thống An toàn thực phẩm theo FSSC 22000; HACCP Codex.

II. Thông tin về sản phẩm: Thực phẩm bổ sung

1. Tên sản phẩm: SỮA ĐẬU NÀNH FAMI CANXI PLUS VỊ HỒNG TRÀ

2. Thành phần:

- Dịch trích từ đậu nành hạt (50%), nước, đường, bột kem thực vật, bột sữa dừa, hương liệu giống tự nhiên dùng cho thực phẩm, calci (0,18%) (tricalci phosphat, nano tricalci phosphat), chất ổn định (471, 418, 407), glucosamine thực vật, bột hồng trà (0,83g/l), muối ăn, vitamin và khoáng chất (vitamin A, D3, B6, B9, B12; magiê và kẽm), chất điều chỉnh độ acid (500(ii)).
- Sản phẩm có chứa đậu nành và dừa.
- Sử dụng đậu nành hạt chọn lọc, không biến đổi gen (Non-GMO).
- Không sử dụng chất bảo quản.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- 06 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất và hạn sử dụng in trên bao bì sản phẩm.



4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

4.1 Quy cách bao gói:

- Sản phẩm được đóng gói trong hộp/bịch ở dạng rời hoặc được tạo thành dạng lốc trước khi xếp vào thùng carton.
- Sản phẩm được chiết rót với thể tích thực: 200 ml/hộp (bịch), 1 lít/hộp.
- Ngoài ra có thể đóng gói với các loại thể tích khác theo yêu cầu của khách hàng.

(sai số định lượng phù hợp quy định Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ).

4.2 Chất liệu bao bì:

Sản phẩm được đóng gói trong bao bì giấy Tetra Pak bên trong là lớp nhựa PE chuyên dùng, đảm bảo các yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm theo QCVN 12-1:2011/BYT.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Xuất xứ: Sản xuất tại Việt Nam.

Sản phẩm của Nhà máy Sữa đậu nành Việt Nam Vinasoy - Chi nhánh Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi.

Sản xuất tại các Nhà máy:

- Nhà máy Sữa đậu nành Việt Nam Vinasoy (ký hiệu A) - Số 02, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Quảng Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.
- Nhà máy Sữa đậu nành Vinasoy Bắc Ninh (ký hiệu B) - Đường TS5, KCN Tiên Sơn, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
- Nhà máy Sữa đậu nành Vinasoy Bình Dương (ký hiệu C) - Số 15, đường số 31, KCN VSIP II-A, phường Vĩnh Tân, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Các nhà máy sản xuất của Vinasoy đã được chứng nhận Hệ thống An toàn thực phẩm theo FSSC 22000; HACCP Codex.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức sản xuất đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:

- QCVN 6-2: 2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn.
- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

2. Thông tư của các Bộ, ngành:

- Thông tư số 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế: Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

3. Tiêu chuẩn Quốc gia số:

- TCVN 12443:2018- Sữa đậu nành.

4. Tiêu chuẩn sản phẩm của nhà sản xuất số: TCCS 26:2023/NS-QNS

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Quảng Ngãi, ngày 05 tháng 06 năm 2023.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



TỔNG GIÁM ĐỐC

Võ Thành Dăng

VI HONG TRÀ



QSH
XSN



Quản dưỡng thích yêu là thực vật

**LÀM GÌ ĐỂ
CẢI THIỆN
SỨC KHỎE?**

Đầu đầu bằng việc chọn sản phẩm có nguồn gốc từ thực vật

Đong trong hộp Tetra Pak với công nghệ tiệt trùng giúp giữ trọn vị và dưỡng chất thiên nhiên.

Thưởng thức lợi ích từ sữa tươi tự nhiên, được sản xuất trực tiếp từ sữa bò Holstein gia cầm từ những đồng cỏ xanh tươi. Sản phẩm đạt ISO 9001:2015, HACCP, ISO 22000:2018, ISO 14001:2015, ISO 45001:2018, ISO 50001:2018, ISO 26000:2018, ISO 27001:2017, ISO 28001:2017, ISO 29001:2017, ISO 31000:2017, ISO 34000:2017, ISO 35000:2017, ISO 36000:2017, ISO 37000:2017, ISO 38000:2017, ISO 39000:2017, ISO 40000:2017, ISO 41000:2017, ISO 42000:2017, ISO 43000:2017, ISO 44000:2017, ISO 45000:2017, ISO 46000:2017, ISO 47000:2017, ISO 48000:2017, ISO 49000:2017, ISO 50000:2017, ISO 51000:2017, ISO 52000:2017, ISO 53000:2017, ISO 54000:2017, ISO 55000:2017, ISO 56000:2017, ISO 57000:2017, ISO 58000:2017, ISO 59000:2017, ISO 60000:2017, ISO 61000:2017, ISO 62000:2017, ISO 63000:2017, ISO 64000:2017, ISO 65000:2017, ISO 66000:2017, ISO 67000:2017, ISO 68000:2017, ISO 69000:2017, ISO 70000:2017, ISO 71000:2017, ISO 72000:2017, ISO 73000:2017, ISO 74000:2017, ISO 75000:2017, ISO 76000:2017, ISO 77000:2017, ISO 78000:2017, ISO 79000:2017, ISO 80000:2017, ISO 81000:2017, ISO 82000:2017, ISO 83000:2017, ISO 84000:2017, ISO 85000:2017, ISO 86000:2017, ISO 87000:2017, ISO 88000:2017, ISO 89000:2017, ISO 90000:2017, ISO 91000:2017, ISO 92000:2017, ISO 93000:2017, ISO 94000:2017, ISO 95000:2017, ISO 96000:2017, ISO 97000:2017, ISO 98000:2017, ISO 99000:2017, ISO 100000:2017, ISO 101000:2017, ISO 102000:2017, ISO 103000:2017, ISO 104000:2017, ISO 105000:2017, ISO 106000:2017, ISO 107000:2017, ISO 108000:2017, ISO 109000:2017, ISO 110000:2017, ISO 111000:2017, ISO 112000:2017, ISO 113000:2017, ISO 114000:2017, ISO 115000:2017, ISO 116000:2017, ISO 117000:2017, ISO 118000:2017, ISO 119000:2017, ISO 120000:2017, ISO 121000:2017, ISO 122000:2017, ISO 123000:2017, ISO 124000:2017, ISO 125000:2017, ISO 126000:2017, ISO 127000:2017, ISO 128000:2017, ISO 129000:2017, ISO 130000:2017, ISO 131000:2017, ISO 132000:2017, ISO 133000:2017, ISO 134000:2017, ISO 135000:2017, ISO 136000:2017, ISO 137000:2017, ISO 138000:2017, ISO 139000:2017, ISO 140000:2017, ISO 141000:2017, ISO 142000:2017, ISO 143000:2017, ISO 144000:2017, ISO 145000:2017, ISO 146000:2017, ISO 147000:2017, ISO 148000:2017, ISO 149000:2017, ISO 150000:2017, ISO 151000:2017, ISO 152000:2017, ISO 153000:2017, ISO 154000:2017, ISO 155000:2017, ISO 156000:2017, ISO 157000:2017, ISO 158000:2017, ISO 159000:2017, ISO 160000:2017, ISO 161000:2017, ISO 162000:2017, ISO 163000:2017, ISO 164000:2017, ISO 165000:2017, ISO 166000:2017, ISO 167000:2017, ISO 168000:2017, ISO 169000:2017, ISO 170000:2017, ISO 171000:2017, ISO 172000:2017, ISO 173000:2017, ISO 174000:2017, ISO 175000:2017, ISO 176000:2017, ISO 177000:2017, ISO 178000:2017, ISO 179000:2017, ISO 180000:2017, ISO 181000:2017, ISO 182000:2017, ISO 183000:2017, ISO 184000:2017, ISO 185000:2017, ISO 186000:2017, ISO 187000:2017, ISO 188000:2017, ISO 189000:2017, ISO 190000:2017, ISO 191000:2017, ISO 192000:2017, ISO 193000:2017, ISO 194000:2017, ISO 195000:2017, ISO 196000:2017, ISO 197000:2017, ISO 198000:2017, ISO 199000:2017, ISO 200000:2017, ISO 201000:2017, ISO 202000:2017, ISO 203000:2017, ISO 204000:2017, ISO 205000:2017, ISO 206000:2017, ISO 207000:2017, ISO 208000:2017, ISO 209000:2017, ISO 210000:2017, ISO 211000:2017, ISO 212000:2017, ISO 213000:2017, ISO 214000:2017, ISO 215000:2017, ISO 216000:2017, ISO 217000:2017, ISO 218000:2017, ISO 219000:2017, ISO 220000:2017, ISO 221000:2017, ISO 222000:2017, ISO 223000:2017, ISO 224000:2017, ISO 225000:2017, ISO 226000:2017, ISO 227000:2017, ISO 228000:2017, ISO 229000:2017, ISO 230000:2017, ISO 231000:2017, ISO 232000:2017, ISO 233000:2017, ISO 234000:2017, ISO 235000:2017, ISO 236000:2017, ISO 237000:2017, ISO 238000:2017, ISO 239000:2017, ISO 240000:2017, ISO 241000:2017, ISO 242000:2017, ISO 243000:2017, ISO 244000:2017, ISO 245000:2017, ISO 246000:2017, ISO 247000:2017, ISO 248000:2017, ISO 249000:2017, ISO 250000:2017, ISO 251000:2017, ISO 252000:2017, ISO 253000:2017, ISO 254000:2017, ISO 255000:2017, ISO 256000:2017, ISO 257000:2017, ISO 258000:2017, ISO 259000:2017, ISO 260000:2017, ISO 261000:2017, ISO 262000:2017, ISO 263000:2017, ISO 264000:2017, ISO 265000:2017, ISO 266000:2017, ISO 267000:2017, ISO 268000:2017, ISO 269000:2017, ISO 270000:2017, ISO 271000:2017, ISO 272000:2017, ISO 273000:2017, ISO 274000:2017, ISO 275000:2017, ISO 276000:2017, ISO 277000:2017, ISO 278000:2017, ISO 279000:2017, ISO 280000:2017, ISO 281000:2017, ISO 282000:2017, ISO 283000:2017, ISO 284000:2017, ISO 285000:2017, ISO 286000:2017, ISO 287000:2017, ISO 288000:2017, ISO 289000:2017, ISO 290000:2017, ISO 291000:2017, ISO 292000:2017, ISO 293000:2017, ISO 294000:2017, ISO 295000:2017, ISO 296000:2017, ISO 297000:2017, ISO 298000:2017, ISO 299000:2017, ISO 300000:2017, ISO 301000:2017, ISO 302000:2017, ISO 303000:2017, ISO 304000:2017, ISO 305000:2017, ISO 306000:2017, ISO 307000:2017, ISO 308000:2017, ISO 309000:2017, ISO 310000:2017, ISO 311000:20

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH TRONG 100 mL (*)			
Hàm lượng Sắt 5.5 mg	Kali	18 mg	
Chất đạm 2.5 g	Vitamin A	340 IU	
Chất béo 2.3 g	Vitamin C	48 mg	
Carbohydrate 7.4 g	Vitamin B6	160 mcg	
Glucose 29 mg	Vitamin B9	32 mcg	
acid lactic 20%	Vitamin E12	0.23 mg	
Canxi	80 mg	Cholesterol	0 mg
Natri	160 mg		



CANX

3 KHÔNG

- ✓ Không chất hóa học
- ✓ Không Cholesterol
- ✓ Không biến đổi gen

Tìm hiểu thêm



VỊ HỒNG TRÀ

Hạng mục: Bao bì briq Fami Canxi Plus - Vị hồng trà
Ngày thực hiện: 13/05/2023
Mã số TK: CT36H-130523



GIÁM ĐỐC

Huỳnh Sơn Hải

Dinh dưỡng thiết yếu từ thực vật

**GIA TRỊ DINH DƯỠNG
TRUNG BÌNH TRONG 100 mL⁽¹⁾**

Năng lượng	58,5 kcal
Chất đạm	2,5 g
Chất béo	2,5 g
Carbohydrate	7,4 g
Glucosamine sulfate 2H ₂ O	75 mg
Canxi	80 mg
Sắt	180 mcg
Magiê	28 mg
Vitamin A	120 IU
Vitamin D3	48 IU
Vitamin B6	140 mcg
Vitamin B12	17 mcg
Vitamin B12	0,25 mcg
Cholesterol	0 mg

Thành phần Dinh dưỡng từ đậu nành hạt (SOY), nước đường, bột kem thực vật, bột sữa dừa, hương liệu thực vật nhân tạo cho thực phẩm, các (D-TRU) (tricalcium phosphate), chất inulin (F75, 428, 427) glucosamine thực vật, các loại trái cây (Vitamin A, C, E, B6, B12, niacin và các chất dinh dưỡng khác) và các chất khác.

Sản phẩm có chứa đậu nành, sữa.

(1) Theo dữ liệu của Kantar từ Worldpanel Database - MarketScan Panel - Thành thị 4 thành phố chính và nông thôn Việt Nam - Ca năm 2022 - Người tiêu dùng.

(*) Hàm lượng các vitamin và khoáng chất tương đương với 100% giá trị dinh dưỡng.

Sản phẩm của
NHÀ MÁY SỮA ĐÀU NÀNH VIỆT NAM VINASOY

Chi nhánh Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi
Đường Nguyễn Chí Thanh, P. Quảng Phú,
TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam
Điện thoại: 204520452043

Tìm hiểu thêm



8 934614 031162



vinasoy

SỮA ĐÀU NÀNH

Fami

CANXI PLUS

THUẦN ĐẦU NĂM
SỐ 1
VIỆT NAM
ĐƯỢC CHỌN MUA

vinasoy

SỮA ĐÀU NÀNH

Fami

CANXI PLUS

3 KHÔNG

- ✓ Không chất bảo quản
- ✓ Không Cholesterol
- ✓ Không biến đổi gen

**NÊN DÙNG 2 LỊCH MỖI NGÀY
TỐT CHO CŨ, XƯƠNG, KHỚP**

- Phù hợp cho người đang Nuôi con bú
- Chỉ sử dụng trong vòng 02 giờ sau khi nấu chín.
- Bảo quản kỹ, tránh ánh sáng.
- Thành phần dinh dưỡng là thực phẩm hoặc các loại trái cây bổ sung chất lượng sản phẩm không thay đổi từ đầu tiên đến cuối cùng.

**100%
ĐAM THỰC VẬT**

**THÊM CHẮC XƯƠNG
KHỎE KHỚP, TĂNG CƯỜNG**

(NANO)CANXI (GLUCOSAMINE)

Sữa Đậu Nành
Fami Canxi Plus

VỊ HỒNG TRÀ

Thực phẩm bổ sung
Thể tích thực: 200 ml

VỊ HỒNG TRÀ



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Sơn Hải

Hạng mục: Bao bì fino Fami Canxi Plus - Vị hồng trà
Ngày thực hiện: 08/06/2023
Mã số TK: CT40B-080623

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2023-00048648
Mã số kết quả : AR-23-VD-056698-01-VI / EUVNHC-00211682



NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI

02 NGUYỄN CHÍ THANH, P. QUẢNG PHÚ, TP. QUẢNG NGÃI
T. QUẢNG NGÃI, Việt Nam

Tên mẫu : SỮA ĐẬU NÀNH FAMI CANXI PLUS VỊ HỒNG TRÀ
Mã lô: 120423-036A
NSX/HSD: 13.04.2023/13.10.2023
Tình trạng mẫu : Sản phẩm dạng lỏng chứa trong bao bì kín
Ngày nhận mẫu : 21/04/2023
Thời gian thử nghiệm : 22/04/2023 - 27/04/2023
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 28/04/2023
Mã số PO của khách hàng : NA9J2304204504
Mã số mẫu Eol : 005-32410-191414

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD333 VD (a) <i>Clostridium perfringens</i>	cfu/ ml	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)	Không phát hiện (LOD=1)
2	VD344 VD (a) <i>Coliforms</i>	cfu/ ml	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	Không phát hiện (LOD=1)
3	VD374 VD (a) <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/ ml	AOAC 975.55	Không phát hiện (LOD=1)
4	VD0GA VD (a) <i>Pseudomonas aeruginosa</i>	cfu/ ml	EVN-R-RD-3-TP-3744 (2021) (Ref. ISO 16266:2006)	Không phát hiện (LOD=1)
5	VD0G7 VD (a)(d) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ ml	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=1)
6	VD6XM VD (a) <i>Faecal streptococci</i>	cfu/ ml	CMMEF - 5th Ed. 2015 -Ch.10	Không phát hiện (LOD=1)
7	VD0G4 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ ml	TCVN 4984-1: 2015 (ISO 4833-1:2013)	Không phát hiện (LOD=1)
8	VD385 VD (a) Tổng số nấm men, nấm mốc	cfu/ ml	TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008)	Không phát hiện (LOD=1)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên



Nguyễn Anh Vũ
Trưởng phòng thí nghiệm HCM



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc Food & Feed Testing Vietnam

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 11/05/2023, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 11/05/2023.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng xây dựng.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng (a) chủ thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (d) chủ thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chứng Nhận Phòng Thử Nghiệm Thực Án Chân Nướ.



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2023-00048649
Mã số kết quả : AR-23-VD-056699-01-VI / EUVNHC-00211682

**NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI**

02 NGUYỄN CHÍ THANH, P. QUẢNG PHÚ, TP. QUẢNG NGÃI
T. QUẢNG NGÃI, Việt Nam

Tên mẫu : SỮA ĐẬU NÀNH FAMI CANXI PLUS VỊ HỒNG TRÀ
Mã lô: 120423-036A
NSX/HSD: 13.04.2023/13.10.2023
Tình trạng mẫu : Sản phẩm dạng lỏng chứa trong bao bì kín
Ngày nhận mẫu : 21/04/2023
Thời gian thử nghiệm : 22/04/2023 - 26/04/2023
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 28/04/2023
Mã số PO của khách hàng : NABJ2304204504
Mã số mẫu Eol : 005-32410-191415

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD861 VD (a) CHỈ (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.017)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên



Nguyễn Anh Vũ
Trưởng phòng thí nghiệm HCM



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc Food & Feed Testing Vietnam

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 11/05/2023, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 11/05/2023.

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN: A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng xây dựng.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng.(a) chủ thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2023-00061668
Mã số kết quả : AR-23-VD-065675-01-VI / EUVNHC-00215469



NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI
02 NGUYỄN CHÍ THANH, P. QUẢNG PHÚ, TP. QUẢNG NGÃI
T. QUẢNG NGÃI, Việt Nam

Tên mẫu : SỮA ĐẬU NÀNH FAMI CANXI PLUS VỊ HỒNG TRÀ
Mã lô: 120423-036A
NSX/HSD: 13.04.2023/13.10.2023
Tình trạng mẫu : Sản phẩm dạng lỏng chứa trong bao bì kín
Ngày nhận mẫu : 22/05/2023
Thời gian thử nghiệm : 23/05/2023 - 24/05/2023
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 29/05/2023
Mã số PO của khách hàng : NA9J2305224457
Mã số mẫu Eol : 005-32410-203715

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD855 VD (a) Cadimi (Cd)	mg/l	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
2	VD856 VD (a) Arsen (As)	mg/l	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
3	VD857 VD (a) Thủy ngân (Hg)	mg/l	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.007)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên



Nguyễn Anh Vũ
Trưởng phòng thí nghiệm HCM



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 30/05/2023, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 30/05/2023.

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Kỳ Hai Dang xây dựng.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hai Dang.(a) chủ thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2023-00048650
Mã số kết quả : AR-23-VD-056700-01-VI / EUVNHC-00211682

**NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI**

02 NGUYỄN CHÍ THANH, P. QUẢNG PHÚ, TP. QUẢNG NGÃI
T. QUẢNG NGÃI, Việt Nam

Tên mẫu : SỮA ĐẬU NÀNH FAMI CANXI PLUS VỊ HỒNG TRÁ
Mã lô: 120423-036A
NSX/HSD: 13.04.2023/13.10.2023
Tình trạng mẫu : Sản phẩm dạng lỏng chứa trong bao bì kín
Ngày nhận mẫu : 21/04/2023
Thời gian thử nghiệm : 24/04/2023 - 24/04/2023
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 28/04/2023
Mã số PO của khách hàng : NA9J2304204504
Mã số mẫu Eol : 005-32410-191416

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD290 VD (a) Sulfur dioxide (SO ₂)	mg/ kg	AOAC 990.28	Không phát hiện (LOD=3)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Trưởng phòng thí nghiệm HCM



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc Food & Feed Testing Vietnam

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 11/05/2023, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 11/05/2023.

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN, A39, N79, EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Kỳ Hai Dang xây dựng.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hai Dang, (a) chủ thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2023-00048652
Mã số kết quả : AR-23-VD-056702-01-VI / EUVNHC-00211682

**NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI**

02 NGUYỄN CHÍ THANH, P. QUẢNG PHÚ, TP. QUẢNG NGÃI
T. QUẢNG NGÃI, Việt Nam

Tên mẫu : SỮA ĐẬU NÀNH FAMI CANXI PLUS VỊ HỒNG TRÀ
Mã lô: 120423-036A
NSX/HSD: 13.04.2023/13.10.2023
Tình trạng mẫu : Sản phẩm dạng lỏng chứa trong bao bì kín
Ngày nhận mẫu : 21/04/2023
Thời gian thử nghiệm : 22/04/2023 - 25/04/2023
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 28/04/2023
Mã số PO của khách hàng : NA9J2304204504
Mã số mẫu Eol : 005-32410-191418

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD30B VD (a) Natri benzoat	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-3578 (Ref. ISO 22855:2008; TCVN 8122: 2009)	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD2C7 VD (a) Benzoic acid	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-3578 (Ref. ISO 22855:2008; TCVN 8122: 2009)	Không phát hiện (LOD=10)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Trưởng phòng thí nghiệm HCM



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc Food & Feed Testing Vietnam

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 11/05/2023, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 11/05/2023.

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ; các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số; thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN: A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng xây dựng.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng.(a) chủ thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2023-00048651
Mã số kết quả : AR-23-VD-056701-01-VI / EUVNHC-00211682

**NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI**

02 NGUYỄN CHÍ THANH, P. QUẢNG PHÚ, TP. QUẢNG NGÃI
T. QUẢNG NGÃI, Việt Nam

Tên mẫu : SỮA ĐẬU NÀNH FAMI CANXI PLUS VỊ HỒNG TRÀ
Mã lô: 120423-036A
NSX/HSD: 13.04.2023/13.10.2023
Tình trạng mẫu : Sản phẩm dạng lỏng chứa trong bao bì kín
Ngày nhận mẫu : 21/04/2023
Thời gian thử nghiệm : 22/04/2023 - 25/04/2023
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 28/04/2023
Mã số PO của khách hàng : NA9J2304204504
Mã số mẫu Eol : 005-32410-191417

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD063 VD (a) Ochratoxin A	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5627 (Ref. AOAC International 84.6 2001:1818-1827)	Không phát hiện (LOD=0.5)
2	VD821 VD (a) Aflatoxin B1	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03)	Không phát hiện (LOD=0.5)
3	VD821 VD (a) Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03)	Không phát hiện (LOD=0.5)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên



Nguyễn Anh Vũ
Trưởng phòng thí nghiệm HCM



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc Food & Feed Testing Vietnam

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 11/05/2023, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 11/05/2023.

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng xây dựng.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2023-00048654
Mã số kết quả : AR-23-VD-056704-01-VI / EUVNHC-00211682

**NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI**

02 NGUYỄN CHÍ THANH, P. QUẢNG PHÚ, TP. QUẢNG NGÃI
T. QUẢNG NGÃI, Việt Nam

Tên mẫu : SỮA ĐẬU NÀNH FAMI CANXI PLUS VỊ HỒNG TRÀ
Mã lô: 120423-036A
Tình trạng mẫu : NSX/HSD: 13.04.2023/13.10.2023
Ngày nhận mẫu : Sản phẩm dạng lỏng chứa trong bao bì kín
21/04/2023
Thời gian thử nghiệm : 22/04/2023 - 26/04/2023
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 28/04/2023
Mã số PO của khách hàng : NA9J2304204504
Mã số mẫu Eol : 005-32410-191420

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VDA04 VD (a) Định tính GMO: CAMV 35S promoter (35S) (LOD=0.1%)		EVN-R-RD-3-TP-3892 (2019) (Ref. GMOScreen RT 35S/NOS/ABII IPC test kit)	Âm tính
2	VDA04 VD (a) Định tính GMO: Terminator NOS (tNOS) (LOD=0.1%)		EVN-R-RD-3-TP-3892 (2019) (Ref. GMOScreen RT 35S/NOS/ABII IPC test kit)	Âm tính

Ký tên



Nguyễn Anh Vũ
Trưởng phòng thí nghiệm HCM



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc Food & Feed Testing Vietnam

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 11/05/2023, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 11/05/2023.

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng xây dựng.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng (a) chủ thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2023-00048663
Mã số kết quả : AR-23-VD-056705-01-VI / EUVNHC-00211682



NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI

02 NGUYỄN CHÍ THANH, P. QUẢNG PHÚ, TP. QUẢNG NGÃI
T. QUẢNG NGÃI, Việt Nam

Tên mẫu : SỮA ĐẬU NÀNH FAMI CANXI PLUS VỊ HỒNG TRÀ
Mã lô: 120423-036A
NSX/HSD: 13.04.2023/13.10.2023
Sản phẩm dạng lỏng chứa trong bao bì kín
Tình trạng mẫu :
Ngày nhận mẫu : 21/04/2023
Thời gian thử nghiệm : 22/04/2023 - 24/04/2023
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 28/04/2023
Mã số PO của khách hàng : NA9J2304204504
Mã số mẫu Eol : 005-32410-191462

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD0J2 VD 2,4-D	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
2	VD1HU VD Diquat	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
3	VDN9M VD (a) Glufosinat-amoni	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5204	Không phát hiện (LOD=0.01)
4	VDG3L VD (a) Glyphosate	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5204	Không phát hiện (LOD=0.003)
5	VD2U9 VD Chlorpyrifos	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
6	VD3CH VD (a) Acephat	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
7	VD3CM VD (a) Aldicarb	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
8	VD3P3 VD (a) Azinphos-methyl	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
9	VD3FT VD (a) Azoxystrobin	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.0002)
10	VD3ET VD (a) Bentazon	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.0002)
11	VD3FU VD (a) Benzovindiflupyr	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.0002)
12	VD4CR VD (a) Bifenthrin	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
13	VD3CI VD (a) Carbaryl	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
14	VD3CJ VD (a) Carbendazim	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
15	VD3CU VD (a) Carbofuran	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
16	VD3F2 VD (a) Chlorantraniliprole	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
17	VD3C7 VD (a) Chlordan	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
18	VD3FS VD (a) Clethodim	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
19	VD3CK VD (a) Clothianidin	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
20	VD3CZ VD (a) Cycloxydim	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
21	VD2UA VD Cyfluthrin and beta-cyfluthrin	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
22	VD3BR VD (a) Cyhalothrin (bao gồm lambda-cyhalothrin)	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
23	VD42S VD (a) Cypermethrins (Gồm alpha & zeta - Cypermethrin)	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
24	VD3DF VD (a) Cyproconazole	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.0002)
25	VD4CM VD (a) Deltamethrin	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
26	VD3CL VD (a) Diazinon	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
27	VD42W VD Dicamba	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
28	VD4CS VD (a) Dicofoi (tổng)	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
29	VD3D0 VD (a) Difenoconazole	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
30	VD4CZ VD (a) Dimethenamid-p	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
31	VD3A7 VD (a) Endosulfan	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
32	VD3Dl VD (a) Ethoprophos	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.0002)
33	VD3DW VD (a) Etoxazole	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
34	VD3D2 VD (a) Fenitrothion	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
35	VD4CN VD (a) Fenpropathrin	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
36	VD3EF VD (a) Flubendiamide	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
37	VD3DJ VD (a) Flufenoxuron	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
38	VD3DA VD (a) Flusilazole	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
39	VD3LS VD (a) Flutriafol	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
40	VD3FD VD (a) Fluxapyroxad	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
41	VD3EH VD (a) Haloxypol	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
42	VD3BL VD (a) Heptachlor	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
43	VD3DK VD (a) Hexythiazox	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
44	VD3CQ VD Imazamox	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
45	VD3FJ VD (a) Imazapic	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
46	VD3EN VD (a) Indoxacarb	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
47	VD3C9 VD (a) Isoxaflutole	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.0002)
48	VD3EV VD (a) Mesotrione	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.0002)
49	VD3JH VD (a) Metalaxyl	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
50	VD3DB VD (a) Methamidophos	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
51	VD3DD VD (a) Methidathion	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.0002)
52	VD3D3 VD (a) Methomyl	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
53	VD3CT VD (a) Novaluron	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
54	VD2QU VD Paraquat	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
55	VD3BH VD (a) Penthiopyrad	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
56	VD3BV VD (a) Permethrin	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
57	VD3D5 VD (a) Phorate	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
58	VD3EK VD (a) Propargit	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
59	VD3F7 VD Propiconazole	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
60	VD3FZ VD (a) Prothioconazole	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
61	VD3CS VD (a) Pyraclostrobin	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
62	VD3XG VD (a) Quintozene	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
63	VD42R VD (a) Spinosad	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
64	VD3QH VD (a) Spirotetramat	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
65	VD3FP VD (a) Sulfoxaflor	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
66	VD3CF VD (a) Tebuconazol	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
67	VD3D8 VD (a) Tebufenozid	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
68	VD3FQ VD (a) Thiamethoxam	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
69	VD4CI VD (a) Trifloxypyr-ethyl	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên



Nguyễn Anh Vũ
Trưởng phòng thí nghiệm HCM



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc Food & Feed Testing Vietnam

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 11/05/2023, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 11/05/2023.

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
 Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
 Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
 Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng xây dựng.
 "VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng.(a) chủ thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: ~~335~~/QNS-KCS

Quảng Ngãi, ngày ~~29~~ tháng 9 năm 2023

V/v bổ sung nhãn mới vào 12 hồ sơ Tự
công bố sản phẩm của Nhà máy Sữa
đậu nành Việt Nam Vinasoy.

Kính gửi: Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Quảng Ngãi

Căn cứ Nghị định số: 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 “*Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm*”;

Căn cứ 12 hồ sơ tự công bố sản phẩm của Nhà máy sữa đậu nành Việt Nam Vinasoy Chi nhánh Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi;

Để thực hiện đúng quy định Nhà nước về công bố sản phẩm theo quy định hiện hành, Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi bổ sung 12 nhãn mới đính kèm vào các hồ sơ Tự công bố sản phẩm như sau:

T T	Tên sản phẩm	Số Bản tự công bố sản phẩm	Ngày có hiệu lực	Số lượng nhãn bổ sung
1	Sữa đậu nành Fami Go vị đậu đỏ nếp cẩm	06NS/QNS/2023	05/6/2023	01
2	Sữa đậu nành Fami nguyên chất ít đường	08NS/QNS/2023	05/6/2023	01
3	Sữa đậu nành Fami nguyên chất	10NS/QNS/2023	05/6/2023	01
4	Sữa đậu nành Fami Canxi	12NS/QNS/2023	05/6/2023	01
5	Sữa đậu nành Fami Canxi ít đường	13NS/QNS/2023	05/6/2023	01
6	Sữa đậu nành Fami nguyên chất vị sữa dừa	17NS/QNS/2023	05/6/2023	01
7	Sữa đậu nành Fami nguyên chất vị đường đen	18NS/QNS/2023	05/6/2023	01
8	Sữa đậu nành Fami Canxi vị cà phê	20NS/QNS/2023	05/6/2023	01
9	Sữa đậu nành Fami Canxi vị phô mai	21NS/QNS/2023	05/6/2023	01
10	Sữa đậu nành Fami Canxi Plus	25NS/QNS/2023	05/6/2023	01
11	Sữa đậu nành Fami Canxi Plus vị hồng trà	26NS/QNS/2023	05/6/2023	01

12	Sữa đậu nành Fami Canxi vị Sô cô la	27NS/QNS/2023	05/6/2023	01
----	--	---------------	-----------	----

Công ty cam kết:

- Sản phẩm này khi sử dụng nhãn bao bì mới vẫn giữ nguyên chất lượng như đã công bố.
- Các thông tin ghi trên nhãn đều phù hợp với các quy định hiện hành và bổ sung các nhãn này vào bộ hồ sơ Tự công bố đang lưu giữ tại Công ty.

Kính trình Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Quảng Ngãi tiếp nhận nhãn sản phẩm của Công ty bổ sung vào hồ sơ Tự công bố đang lưu giữ tại Chi cục./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- NM Sữa VNS, KCS Cty;
- Lưu: HCVT Cty.

TỔNG GIÁM ĐỐC *nl*



Võ Thành Đăng

FAMI CANXI PLUS



Dinh dưỡng thiết yếu từ thực vật

VI HỒNG TRÀ



OSH
XSN

vinasoy

ĐẬU NÀNH



KI PLUS

CHUNG TA LÀM GÌ ĐỂ
TẠO DỰNG TƯƠNG LAI
TỐT ĐẸP HƠN?

Bắt đầu bằng việc
chọn sản phẩm có
nguồn gốc thực vật



Đóng trong hộp
giấy có thể tái chế
vì sự bền vững
của môi trường

Thành phần: Dịch chiết từ đậu nành hạt (SOF), nước, đường, bột kem thực vật, bột sữa đậu nành, hương liệu giống tự nhiên dùng cho thực phẩm, acid (L303) (lactic acid), phosphate, natri phosphate, chất ổn định (E471, E472, E473), glucosamine thực vật, bột hồng trà (0.003) (0.003), muối ăn, vitamin và khoáng chất (vitamin A, D3, B6, B12, B12, magiê và kẽm), chất điều chỉnh độ acid (E500i), sản phẩm có chứa đậu nành, sữa.



100%
ĐAM THỰC VẬT

THÊM CHẮC XƯƠNG
KHỎE KHỚP, TĂNG CƯỜNG
HUYẾT HUYẾT

Sữa Đậu Nành
Fami (Canxi) Plus

VI HỒNG TRÀ

Thực phẩm bổ sung
Thể tích thực: 200 ml

vinasoy

SỮA ĐẬU NÀNH



CANXI PLUS



GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH
TRONG 100 mL⁽¹⁾

Năng lượng	58.5 kcal	Magiê	18 mg
Chất đạm	2.5 g	Vitamin A	160 IU
Chất béo	2.1 g	Vitamin D3	40 IU
Carbohydrate	7.4 g	Vitamin B6	160 mcg
Glucosamine	75 mg	Vitamin B12	32 mcg
Sulfate 2KCl		Vitamin B12	0.23 mcg
Canxi	80 mg	Cholesterol	0 mg
Kẽm	380 mcg		

NÊN DÙNG 2 HỘP MỖI NGÀY
TỐT CHO CƠ XƯƠNG, KHỚP

Phù hợp cho người dùng từ 6 tuổi trở lên.
Có sử dụng trong vòng 02 giờ sau khi mở hộp.
Bảo quản nơi khô mát. Thành phần dinh dưỡng
có thể bị thay đổi do quá trình biến đổi nhưng
chất lượng sản phẩm không thay đổi.

(1) Theo Bộ tiêu chuẩn của Korea từ Worldpanel Data
Household Panel - Thành thị 4 thành phố chính và nông
thôn Việt Nam - Cơ bản 2022 - Nguồn Số Liệu Thực

(**) Hàm lượng các vitamin và khoáng chất không
thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn.

Sản phẩm của:
NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY
Địa chỉ: Công ty Cổ phần Sữa Đậu Nành Việt Nam
02 Nguyễn Du, Phường 1, Quận Phú
Thị, Quận Phú, Quận Phú, Quận Phú
ĐT: 028 3500 8000
028 3500 8000

SỮA



CANXI

3 KHÔNG

- ✓ Không chất bảo quản
- ✓ Không Cholesterol
- ✓ Không biến đổi gen

Tìm hiểu thêm



VI HỒNG TRÀ

Hạng mục: Bao bì brik Fami Canxi Plus - Vi hồng trà
Ngày thực hiện: 25/07/2023
Mã số TK: CT36H-250723



GIÁM ĐỐC

Huỳnh Sơn Hải